

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH  
Bản án số: 09/2025/HS-ST  
Ngày: 21-8-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hùng

2. Ông Lưu Xuân Tiến

**- Thư ký phiên toà:** Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1995; giới tính: nam; nơi sinh: huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi thường trú và nơi ở: xóm N, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1971 và con bà **Đỗ Thị M1**, sinh năm 1973; gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ **Nông Thị Mai T**, sinh năm 1984; có 01 con, sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2025 đến ngày 28/3/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng bảo lãnh. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp bảo lãnh, “có mặt”.

*Bị hại:*

1. **Nguyễn Thái L**, sinh năm 1962; địa chỉ: 8, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. **Nguyễn Đình K**, sinh năm 1950; địa chỉ: 654 Giải Phóng, phường Trường Thi, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định

3. Nguyễn Thị Gia N, sinh năm 1978; địa chỉ: 19 Bùi Đình Hòe, phường Lộc Hòa, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định
4. Trần Thị N1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Cửa Đông, xã Mỹ Hà, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định
5. Nguyễn Quốc N2, sinh năm 1967; địa chỉ: 157 Mạc Thị Bưởi, phường Quang Trung, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định
6. Chu Văn T1, sinh năm 1977; địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.
7. Nguyễn Dân T2, sinh năm 1958; địa chỉ: xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
8. Vũ Văn C, sinh năm 1949; địa chỉ: xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
9. Vũ Bảo T3, sinh năm 1956; địa chỉ: F T, p. Q, TP ., tỉnh Nam Định
10. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Phúc Ninh, xã Phú Hưng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
11. Phạm Thị S, sinh năm 1951; địa chỉ: TDP Đ, TT. L, huyện N, tỉnh Nam Định
12. Ta Thị V1, sinh năm 1958; địa chỉ: TDP C T, p, L, TP ., tỉnh Nam Định
13. Ngô Bá L1, sinh năm 1949; địa chỉ: TT. Y, huyện H, tỉnh Nam Định
14. Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: TDP 7, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
15. Trần Thị Kim L2, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Bườn, xã Mỹ Thắng, Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định
16. Nguyễn Ngọc V2, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm Đồng Nguyên, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
17. Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1982; địa chỉ: A A, p. Q, TP .
18. Đỗ Văn T5, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
19. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định
20. Phạm Thị T6, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện Ý, tỉnh Nam Định
21. Nguyễn Thị L3, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
22. Đàm Tấn K1, sinh năm 1945; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định
23. Trần Bình T7, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ B T, p. V, TP .

24. Phạm Văn H2, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định
25. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Nam Định
26. Lê Minh C1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 5 Lương Đình Cửa, P. Quang Trung, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định
27. Trần Thị H3, sinh năm 1958; địa chỉ: xã B, huyện G, tỉnh Nam Định
28. Phạm Văn H4, sinh năm 1961; địa chỉ: xã B, huyện G, tỉnh Nam Định
29. Lê Hùng M2, sinh năm 1958; địa chỉ: xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định
30. Nguyễn Thị A, sinh năm 1988; địa chỉ: xã M, TP ., tỉnh Nam Định
31. Trần Đức L4, sinh năm 1987; địa chỉ: xã M, TP ., tỉnh Nam Định
32. Khuông Văn H5, sinh năm 1960; địa chỉ: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định
33. Mai Văn L5, sinh năm 1987; địa chỉ: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định
34. Phạm Văn T8, sinh năm 1984; địa chỉ: K, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định
35. Đỗ Văn Y, sinh năm 1955; địa chỉ: xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
36. Hà Thương N3, sinh năm 1960; địa chỉ: N, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định
37. Trương Thị T9, sinh năm 1964; địa chỉ: 26/26 Đình Bộ Lĩnh, p. Năng Tĩnh, TP Nam Định, Nam Định
38. Nguyễn Hồng Q1, sinh năm 1963; địa chỉ: 54/109 Điện Biên, P.Cửa Bắc, TP Nam Định, T.Nam Định
39. Ngô N4, sinh năm 1954; địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi
40. Phạm Văn T10, sinh năm 1978; địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi
41. Đỗ Q2, sinh năm 1943; địa chỉ: xã T, TP ., tỉnh Quảng Ngãi
42. Phạm Quang S1, sinh năm 1954; địa chỉ: thôn N, xã N'D, huyện K, tỉnh Đắk Nông
43. Nguyễn Văn K2, sinh năm 1961; địa chỉ: TDP C, TT. Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông
44. Nguyễn Văn M3, sinh năm 1963; địa chỉ: B Dân P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông
45. Ya Sí, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn E, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng
46. Lâm Thị Thanh T11, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng
47. Hoàng Trung K3, sinh năm 1979; địa chỉ: xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình

48. Nguyễn H6, sinh năm 1954; địa chỉ: KP9, p. Kinh Dinh, Tp Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

49. Vương Tiến D, sinh năm 1977; địa chỉ: KP12, p. V, TP P, tỉnh Ninh Thuận

50. Phạm Quang T12, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

51. Phạm Văn N5, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm F, xã X, huyện D, tỉnh Nghệ An

52. Phan Thị H7, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm X, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An

53. Hoàng Khắc L6, sinh năm 1972; địa chỉ: Số G đường T, khối C, p. N, TP ., tỉnh Nghệ An

54. Trương Văn Đ1, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm K, xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An

55. Trần Văn T13, sinh năm 1978; địa chỉ: K, TT. M, huyện K, tỉnh Nghệ An

56. Vi Thị Vân A1, sinh năm 1970; địa chỉ: K, TT. M, huyện K, tỉnh Nghệ An

57. Vũ Tuấn N6, sinh năm 1960; địa chỉ: TT. Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

58. Nguyễn Xuân V3, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn G, xã Q, TX H, tỉnh Nghệ An

59. Lê Đình T14, sinh năm 1960; địa chỉ: Số A L, xóm F, xã H, TP ., tỉnh Nghệ An

60. Nguyễn Văn N7, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

61. Nguyễn Thị M4, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm L, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An

62. Hoàng Anh S2, sinh năm 1971; địa chỉ: K, p. C, TP ., tỉnh Nghệ An

63. Lê Đức L7, sinh năm 1976; địa chỉ: Khối V, p. Đ, Tp ., tỉnh Nghệ An

64. Hồ Xuân C2, sinh năm 1954; địa chỉ: Khối V, p. Đ, Tp ., tỉnh Nghệ An

65. Hoàng Văn Q3, sinh năm 1956; địa chỉ: Khối Q, p. Q, TX. H, tỉnh Nghệ An

66. Nguyễn Thúc T15, sinh năm 1976; địa chỉ: Khối Liên Cơ, p. Hưng Bình, TP Vinh, Nghệ An

67. Nguyễn Ngọc Q4, sinh năm 1952; địa chỉ: Khối Triều Tân, phường Nghi Hải, TP Vinh, Nghệ An

68. Lầu Bá T16, sinh năm 1976; địa chỉ: Bản Nậm Khiên 1, xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An
69. Lê Thành T17, sinh năm 1959; địa chỉ: A L, p. T, TP Q, tỉnh Bình Định
70. Nguyễn Thị V4, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã M (nay là xã T), huyện L, tỉnh Bắc Giang
71. Dương Văn T18, sinh năm 1959; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang
72. Nguyễn Thị M5, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP Nguồn, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, Bắc Giang
73. Nguyễn Văn P, sinh năm 1955; địa chỉ: TDP Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, Bắc Giang
74. Hoàng Văn Đ2, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, Bắc Giang
75. Thân Đức V5, sinh năm 1958; địa chỉ: TDP Đoàn Kết 1, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, Bắc Giang
76. Nguyễn Đức H8, sinh năm 1961; địa chỉ: TDP Thống Nhất, Thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế, Bắc Giang
77. Nguyễn Văn V6, sinh năm 1953; địa chỉ: TDP Tân Tiến, thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế, Bắc Giang
78. Nguyễn Thị T19, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Đồng Kênh, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, Bắc Giang
79. Nguyễn Hữu K4, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Y, Bắc Giang
80. Thạch Văn T20, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn Đồi Hồng, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, Bắc Giang
81. Triệu Thị D1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, Bắc Giang
82. Phạm Văn T21, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C đường G, p. D, TP B, tỉnh Bắc Giang
83. Nguyễn Thị Ánh T22, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A, TDP H, p. T, TP B, tỉnh Bắc Giang
84. Trình Trọng Đ3, sinh năm 1987; địa chỉ: Số F N, TDP V, p. Hoàng Văn T23, TP B, tỉnh Bắc Giang
85. Nguyễn Mạnh H9, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP T, p. Đ, TP B, tỉnh Bắc Giang
86. Nguyễn Văn H10, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP L, p. T, TP B, tỉnh Bắc Giang

87. Đinh Thành N8, sinh năm 1946; địa chỉ: Phố T, p. N, Tp ., tỉnh Ninh Bình

88. Đỗ Ngọc H11, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đồi Chè, xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

89. Nguyễn Tài Đ4, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 16, p. Nam Sơn, TP. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

90. Nguyễn Văn C3, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình

91. Ma Thế C4, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng

92. Hứa Thị V7, sinh năm 1985; địa chỉ: xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng

93. Đặng Chiến K5, sinh năm 1956; địa chỉ: p. H, TP ., tỉnh Cao Bằng

94. Trịnh Kim Đ5, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

95. Trần Văn T24, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

96. Hà Thị T25, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

97. Phạm Văn Q5, sinh năm 1968; địa chỉ: TDP V, TT. V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

98. Hứa Viết H12, sinh năm 1951; địa chỉ: TDP V, TT. V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

99. Lương Thị Kim T26, sinh năm 1962; địa chỉ: TDP V, TT. V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang

100. Nguyễn Đức T27, sinh năm 1962; địa chỉ: 6/482 Q, TDP A, p. P, TP ., tỉnh Tuyên Quang

101. Giàng A D2, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện L, tỉnh Tuyên Quang

102. Hoàng Văn Y1, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

103. Nguyễn Quang H13, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

104. Ninh Văn L8, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, Huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

105. Trịnh Thị L9, sinh năm 1957; địa chỉ: Làng Rèn 1, Hòa An, Chiêm Hóa, Tuyên Quang

106. Vi Văn Đ6, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Lạng Sơn
107. Kiều Việt H14, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn
108. Tăng Lan A2, sinh năm 1967; địa chỉ: Phố T, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn
109. Hà Thị O, sinh năm 1960; địa chỉ: Phố T, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn
110. Hà Thị H15, sinh năm 1958; địa chỉ: Phố Đ, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn
111. Hoàng Văn M6, sinh năm 1984; địa chỉ: Phố T, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn
112. Hoàng Văn T28, sinh năm 1977; địa chỉ: L, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn
113. Nông Văn C5, sinh năm 1965; địa chỉ: P, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn
114. Đào Ngọc Q6, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ 5, khối 10, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
115. Hoàng Thị P1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn
116. Bàn Hồng T29, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn
117. Lương Thị K6, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu S, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn
118. Hoàng Văn T30, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn
119. Dương Hồng T31, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu D, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn
120. Lương Văn T32, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn
121. Nguyễn Văn N9, sinh năm 1970; địa chỉ: Đ, Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang
122. Dương Quốc H16, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 661, QL1, khu phố 2, phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
123. Nguyễn Hữu T33, sinh năm 1977; địa chỉ: B P, P, TP M, Tiền Giang
124. Mùa A U, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm Xã L, xã P, huyện M, tỉnh Hòa Bình

125. Triệu Văn T34, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm Bò Liêm, xã Đồng Tâm, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
126. Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm Bò Liêm, xã Đồng Tâm, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình
127. Bùi Văn M7, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm Khao, Tân Mỹ, Lạc Sơn, Hòa Bình
128. Xa Văn T35, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình
129. Nguyễn Thị N10, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
130. Bùi Văn L10, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, T. T
131. Lê Mạnh H17, sinh năm 1965 và Nguyễn Thị C6, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
132. Nguyễn Đình T36, sinh năm 1951; địa chỉ: D T, Phố G, p. Q, TP T
133. Lê Thị H18, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện T, T37 Thanh hóa
134. Hà Xuân T38, sinh năm 1969; địa chỉ: Bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy, Quan Sơn, Thanh Hoá
135. Lương Văn T39, sinh năm 1984; địa chỉ: B, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa
136. Trần Duy C7, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm F, Thôn A, xã P, huyện P, TP H
137. Nguyễn Văn S3, sinh năm 1962; địa chỉ: Áp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh
138. Lâm Hải T40, sinh năm 1941; địa chỉ: Áp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh
139. Thạch Ngọc S4, sinh năm 1960; địa chỉ: Áp L, xã N, H. cầu N, T37 Trà Vinh
140. Dủ Thế P2, sinh năm 1986; địa chỉ: Áp H, xã M, H. cầu N, T37 Trà Vinh
141. Khâu Si T41, sinh năm 1975; địa chỉ: Khóm E, thị trấn C, H. C, T37 Trà Vinh
142. Dương Thị N11, sinh năm 1967; địa chỉ: Áp M, xã M, H. C, T. T
143. Lâm Chí T42, sinh năm 1979; địa chỉ: Khóm M, thị V cầu N, H19 cầu Ngang, T37 Trà Vinh

144. Lễ Phong V8, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm D, phường A, TP T, T37 Trà Vinh
145. Nguyễn Thanh T43, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã T, H. C, T. T
146. Tổng Văn Đ7, sinh năm 1946; địa chỉ: Khóm F, thị trấn T, H, T37 Trà Vinh
147. Trần Thị L11, sinh năm 1972; địa chỉ: 4 ấp X, xã X, H. hóc M, TP HCM
148. Nguyễn Mộng T44, sinh năm 1959; địa chỉ: 5, TT. H, huyện H, TP .
149. Phạm Văn T45, sinh năm 1981; địa chỉ: 3 tổ E, ấp M, xã T, huyện H, TP .
150. Zơ Râm T46, sinh năm 1987; địa chỉ: Đ, Đ, N, Quảng Nam
151. BNướcch Trên, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn P, C, N, Quảng Nam
152. Trần Thị Minh P3, sinh năm 1942; địa chỉ: Khối T, p. cảm A, Tp ., Quảng Nam
153. Nguyễn Dương T47, sinh năm 1978; địa chỉ: T, B, Quảng Nam
154. Nguyễn Thế L12, sinh năm 1991; địa chỉ: KP4, p. Minh Thành, TX Chơn Thành, Bình Phước
155. Lò Như T48, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp C, xã M, TX C, Bình Phước
156. Trương Công Đ8, sinh năm 1956; địa chỉ: xã L, H. L, Bình Phước
157. Dương Văn T49, sinh năm 1950; địa chỉ: xã L, L, Bình Phước
- (157 bị hại đều cung cấp địa chỉ trước ngày 01/7/2025. Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Ngọc V2; vắng mặt 156 bị hại còn lại);*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1995, ở xóm N, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) là lao động tự do và không có kiến thức về y tế. Khoảng đầu năm 2024 khi sử dụng mạng xã hội Facebook, Nguyễn Văn V thấy có nhiều người bán sản phẩm thuốc nhỏ mắt, nhãn hiệu của Nhật Bản có doanh thu, lợi nhuận cao nên đã tìm hiểu cách thức bán mặt hàng này. Thông qua các hội nhóm trên Facebook, V tìm được nguồn nhập mặt hàng có nhận diện (hình thức vỏ, nhãn) tương tự với loại thuốc nhỏ mắt, nhãn hiệu Nhật Bản, nguồn hàng này được người bán giới thiệu là xuất xứ Trung Quốc. Ban đầu Vũ nhập khoảng 500 đến 600 lọ, tuy nhiên, thời gian đầu lượng hàng bán được chậm do vỏ, tem, nhãn của loại thuốc nhỏ mắt này là tem, nhãn chữ Trung Quốc, không phải chữ Nhật Bản. Sau đó, V nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người mua hàng thông qua việc

bán sản phẩm dung dịch nhỏ mắt. Vũ đặt yêu cầu nguồn hàng có xuất xứ từ Trung Quốc sản xuất riêng lẻ (đã dán sẵn tem, nhãn Nhật Bản), vỏ hộp (tem, nhãn Nhật Bản), tờ hướng dẫn sử dụng (tem, nhãn Nhật Bản) và đóng riêng thành từng thùng carton riêng biệt, Vũ nhập giá khoảng 11.000 đồng/01 bộ sản phẩm (gồm 01 lọ đã chứa đầy dung dịch, 01 vỏ hộp, 01 tem nhãn), mỗi lần nhập số lượng khoảng 1.200 đến 5.000 bộ sản phẩm và V thanh toán tiền mua hàng bằng cách chuyển tiền vào số tài khoản Ngân hàng TMCP Á “LOCPHAT000031924” mang tên “Bui Thi Van Anh”. Khi nhận hàng, V trực tiếp bỏ từng lọ và tờ hướng dẫn sử dụng vào từng vỏ hộp. Sau đó, V thuê các Website bán hàng tên miền là V9.one; Giadungnhatban.one; Cuahangtienloi.today; Hangnhapkhau.one (ngoài ra còn một số tên miền khác đã hết hạn sử dụng, V không nhớ được). V trực tiếp tạo lập một số trang Fanpage Facebook có thông tin liên quan đến thuốc nhỏ mắt Nhật Bản như “Thuốc Nhỏ M8-Nhật Bản-Kenshi”, “Kenshi-Thuốc Nhỏ Mắt N Nhật Bản”, “KenShi Thuốc Nhỏ Mắt Nhật Bản-Chính Hãng”, “Thuốc nhỏ mắt Kenshi Nhật Bản”, “Thuốc Nhỏ Mắt K7-Nhật Bản”....Đồng thời V sao chép những bài viết, quảng cáo của các sản phẩm thuốc nhỏ mắt Nhật Bản trên mạng xã hội Facebook để tải lên Website bán hàng đã tạo với nội dung quảng cáo: thuốc nhỏ mắt Nhật Bản; technology J; nhỏ mắt Kenshi; chất lượng đã được kiểm chứng, sản phẩm được các bệnh viện sử dụng hàng ngày; được các bệnh viện lớn khuyên dùng, dễ dàng chữa khỏi bệnh về mắt; không tái phát, không tác dụng phụ, không phẫu thuật; phục hồi tổn thương không cần đến phẫu thuật; sản xuất tại Nhật Bản; tỷ lệ chữa khỏi lên đến 99%; cam kết hàng chất lượng cao xuất xứ từ Nhật Bản; Địa chỉ: Hà Nội: C N, T, Hà Nội; Đà Nẵng: 255 Khu T, T, Đà Nẵng; Hồ Chí Minh: 3 đường C, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại: 190096691; Email: tnmjapan@gmail.com; Website: <http://tnmjapan.com> Ngoài ra có nhiều ký tự, hình ảnh nước Nhật Bản.

Thông qua quảng cáo trên Website mạng xã hội Facebook, người dùng nhìn thấy, cho rằng đây là hàng thật có xuất xứ từ Nhật Bản theo như quảng cáo, có nhu cầu mua sẽ điền thông tin cá nhân (tên, địa chỉ, số điện thoại) vào các Website tên miền như trên hoặc nhắn tin trên nền tảng Messenger của các Fanpage. Khi có thông tin khách hàng, V liên hệ xác nhận đơn hàng, sau đó đóng hàng và gửi cho khách thông qua đơn vị vận chuyển là Công ty cổ phần G. Khách nhận được hàng sẽ thanh toán tiền cho đơn vị vận chuyển, sau khi trừ chi phí vận chuyển, sẽ thanh toán vào tài khoản ngân hàng của V. Các hình thức mua bán và giá như sau: mua 1 tặng 1 giá 299.000 đồng + 20.000 đồng phí vận chuyển; mua 2 tặng 2 giá 499.000đồng (miễn phí vận chuyển); mua 3 tặng 3 giá 699.000 đồng (miễn phí vận chuyển). Thông qua việc mua bán trên, V đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại trên 63 tỉnh thành của cả nước.

Ngày 16/10/2024, khoảng 16 giờ tại sân nhà của Nguyễn Văn V, V đang

chuẩn bị vận chuyển 01 bao tải chứa hàng hóa đã đóng sẵn để đưa đến đơn vị vận chuyển thì bị Tổ công tác Công an huyện N, tỉnh Nam Định đang làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính, V không cung cấp được hóa đơn, chứng từ liên quan. Tổ công tác tiến hành kiểm tra kho tại nhà V thì phát hiện nhiều thùng carton, bên trong chứa nhiều lọ dung dịch trong suốt và vỏ hộp, tem nhãn tách rời. Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc, tạm giữ, niêm phong số hàng hóa liên quan để xác minh làm rõ theo thủ tục hành chính.

Ngày 17/12/2024, các bị hại gồm: ông Vũ Mạnh D3, sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã N, huyện N; anh Nguyễn Xuân H20, sinh năm 1983, trú tại xóm S, xã N, huyện N và ông Trần Văn H21, sinh năm 1958, trú tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) tố giác đến Công an huyện N, với cùng nội dung tố giác: bị đối tượng trên mạng xã hội dùng thủ đoạn gian dối để quảng cáo, giới thiệu thuốc nhỏ mắt có nguồn gốc xuất xứ tại Nhật Bản, sau đó chiếm đoạt tiền thông qua hình thức bán hàng online. Kết quả đối chiếu, thông tin của những người tố giác trên trùng khớp với dữ liệu khách hàng đã mua sản phẩm nhỏ mắt của Nguyễn Văn V.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã thu giữ đồ vật, tài liệu, gồm:

- 05 bao nilon màu xanh, ngoài cuốn kín băng dính màu vàng, có dán giấy có dòng ký tự “NA101-T9M02-0808” và dòng ký tự nước ngoài, bên trong mỗi bao nilon gồm 1.000 lọ dung dịch trong suốt; 01 bao nilon màu xanh, ngoài cuốn kín băng dính màu vàng, có dán giấy có dòng ký tự “NA101-T9M02-0808” và dòng ký tự nước ngoài, bên trong gồm 788 lọ dung dịch trong suốt; 02 thùng carton gồm: 01 thùng carton màu nâu, bên trong gồm 2.500 vỏ hộp sản phẩm nhỏ mắt bằng chất liệu carton; 01 thùng carton màu nâu, bên trong gồm 2400 vỏ hộp sản phẩm nhỏ mắt bằng chất liệu carton; 01 túi nilon gồm: 01 túi giấy màu trắng, bên trong gồm số lượng lớn tờ giấy màu trắng, ghi nhiều ký tự nước ngoài, chia thành 06 cọc được buộc nịt màu vàng, tổng trọng lượng 1.820gram; 81 hộp carton, bên trong mỗi hộp chứa 02 bộ sản phẩm nhỏ mắt (đã đóng thành sản phẩm nguyên vẹn gồm 01 lọ dung dịch nhỏ mắt, 01 vỏ hộp bằng carton, 01 tem nhãn dạng hướng dẫn sử dụng), tổng là 162 bộ sản phẩm, thu tại nhà của Nguyễn Văn V, đây là những sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ.

- 46 bộ sản phẩm nhỏ mắt do các bị hại trên các tỉnh thành giao nộp, đây là những sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ;

- 01 USB chứa file dữ liệu danh sách thông tin khách hàng đã mua sản phẩm nhỏ mắt tại 63 tỉnh thành trên cả nước do Nguyễn Văn V giao nộp.

Tại Công văn số 3730/QLD-ĐK ngày 13/11/2024 của Cục Q7, xác định: Căn cứ dữ liệu thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu

thuốc tại Cục Q7, Cục Q7 chưa cấp giấy đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu thuốc cho sản phẩm như hình ảnh gửi kèm (hình ảnh bộ sản phẩm nhỏ mắt) và thông tin mô tả về sản phẩm; Không có đủ cơ sở để xem xét, phân loại sản phẩm là thuốc chữa bệnh cho người hay không.

Tại Công văn số 220/SYT-NVD ngày 23/01/2025 của Sở Y tế tỉnh N, xác định: Hình ảnh mẫu sản phẩm gửi kèm, trên vỏ hộp, tờ hướng dẫn sử dụng, trên vỏ lọ không có ký hiệu số đăng ký lưu hành sản phẩm, nên sản phẩm không phải là thuốc được phép lưu hành tại Việt Nam. Nhãn trên sản phẩm là tiếng nước ngoài, không thể hiện thành phần của thuốc nên không có căn cứ để xác định thành phần có trong sản phẩm.

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Công ty cổ phần G, xác định Hợp đồng vận chuyển của Nguyễn Văn V với đơn vị Giao hàng tiết kiệm, được thực hiện theo mã shop “S22043807”, tên shop “xiaoshop”. Đơn vị vận chuyển đã cung cấp danh sách chi tiết khách hàng đã nhận hàng gửi từ Nguyễn Văn V (bao gồm: tên khách hàng, địa chỉ, số điện thoại, thời gian nhận hàng; số tiền khách hàng đã thanh toán) đối với mặt hàng có tên thuốc nhỏ mắt, nước nhỏ mắt, nhỏ mắt Nhật Bản, nhỏ mắt Kenshi hoặc tương tự theo mã shop nêu trên. Căn cứ theo dữ liệu thông tin khách mua hàng đã thu thập được, Cơ quan điều tra đã trực tiếp tiến hành xác minh, làm việc đối với 124 khách mua hàng có thông tin tại tỉnh Nam Định và ra Quyết định uỷ thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an 62 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước để tiến hành xác minh, làm việc đối với 9.256 lượt khách hàng đặt mua hàng.

**Cơ quan điều tra đã xác minh, làm** việc được đối với 124/124 trường hợp thông tin khách hàng tại tỉnh Nam Định. Đã nhận được kết quả trả lời Uỷ thác điều tra của 30/62 Cơ quan điều tra các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với kết quả số lượng khách hàng đã xác minh, làm việc được/tổng số thông tin dữ liệu khách hàng là 982 trường hợp khách hàng. Cụ thể, tổng số 982 trường hợp khách hàng đã được các Cơ quan điều tra làm việc, xác minh, gồm: 434 trường hợp bị hại đã làm việc và xác nhận về việc mua, thanh toán tiền thành công đối với đơn hàng sản phẩm thuốc nhỏ mắt của V vì tin tưởng các thông tin về nguồn gốc, xuất xứ, công dụng của sản phẩm nhỏ mắt V đưa ra; 96 trường hợp đã làm việc, tuy nhiên những người này không xác nhận việc đã mua sản phẩm nhỏ mắt nêu trên; 452 trường hợp đã tiến hành xác minh bằng văn bản nhưng chưa làm việc được.

Đối với 434 trường hợp bị hại xác nhận mua hàng của Nguyễn Văn V, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chiếu thông tin, giá trị thanh toán của đơn hàng với dữ liệu được Công ty cổ phần G cung cấp. Kết quả, xác định 434 bị hại đã thanh toán số tiền mua hàng là 157.203.000 đồng, không có bị hại nào bị chiếm đoạt số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên. Trong đó 157 bị hại có yêu cầu bị cáo phải bồi

thường số tiền chiếm đoạt là 57.468.000đồng.

Cơ quan điều tra đã sao kê tài khoản Ngân hàng T50 số 19033974923021 mang tên “Nguyen Văn Vu”, xác định các giao dịch thanh toán tiền nhập sản phẩm thuốc nhỏ mắt được chuyển đến tài khoản Ngân hàng TMCP Á “LocPhat000031924” mang tên “Bui Thi Van Anh”. Kết quả xác minh tại Ngân hàng TMCP Á (A4) xác định: số tài khoản “LocPhat000031924” là tài khoản định danh, tài khoản này được liên kết với tài khoản thanh toán số 41557297, chủ tài khoản là Bùi Thị Vân A3, sinh ngày 21/7/2000, số CCCD: 040300011182, trú tại xóm A, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Qua xác minh trên địa bàn xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An không có công dân Bùi Thị Vân A3 như trên.

Bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận phương tiện bản thân sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bao gồm: 01 bộ máy tính cây màu đen không rõ nhãn hiệu, 01 điện thoại Iphone 12 màu trắng. Bản thân V không nhớ các đặc điểm chi tiết của các thiết bị. Sau khi bị lực lượng Công an huyện N phát hiện thu giữ các sản phẩm thuốc nhỏ mắt là hàng hoá không rõ nguồn gốc xuất xứ theo thủ tục hành chính vào ngày 16/10/2024, do lo sợ bị phát hiện về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với khách mua hàng, V đã thao tác xoá hết dữ liệu lưu trữ trong thiết bị máy tính cá nhân, điện thoại di động nêu trên, sau đó đăng bán thanh lý trên mạng xã hội và bán cho một người không rõ lai lịch tại thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra không có cơ sở để tiến hành truy tìm được phương tiện phạm tội nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn V đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 15/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 **Điều** 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại Nguyễn Ngọc V2 trình bày: Do tin tưởng trên mạng xã hội là những nhân vật nổi tiếng quảng cáo nên ông nghĩ sản phẩm thuốc nhỏ mắt của Nhật Bản này là thật và tốt nên ông có đặt mua 04 lọ với giá là 319.000đồng. Nay ông yêu cầu Bị cáo phải trả lại cho ông số tiền trên mà ông đã mua thuốc nhỏ mắt của bị cáo.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn V theo tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 15/7/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường số tiền 157.203.000 đồng cho 434 bị hại. Trong đó 157 bị hại có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền chiếm đoạt là 57.468.000đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 11/8/2025 bị cáo V đã tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền là 57.468.000đồng cho 157 bị hại có yêu cầu bồi thường. Số tiền bị cáo chiếm hưởng của các bị hại còn lại 99.735.000 đồng, cần tiếp tục truy thu của bị cáo sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a, điểm c Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đề nghị được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa và chăm sóc con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N (nay là Công an tỉnh N), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực (nay là khu vực 9), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố và thừa nhận đã phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại và **các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án**. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2024 đến tháng 10/2024, tại xóm N, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình), Nguyễn Văn V đã nhập mua sản phẩm dung dịch nhỏ mắt không rõ nguồn gốc xuất xứ. Sau đó V dùng thủ đoạn gian dối trong việc quảng cáo về nguồn gốc, công dụng đối với sản phẩm này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người mua sản phẩm dung dịch nhỏ mắt của V. Quá trình điều tra đã chứng minh được V chiếm đoạt của 434 bị hại với tổng số tiền là 157.203.000đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ khả năng nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật và đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Văn V đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã dùng thủ đoạn **gian dối** để quảng cáo, giới thiệu thuốc nhỏ mắt **giả** có nguồn gốc xuất xứ tại Nhật Bản, sau đó thông qua hình thức bán hàng online đã chiếm đoạt của 434 bị hại **tổng** số tiền là 157.203.000đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến lợi ích và quyền quản lý tài sản của các bị hại, gây mất trật tự, trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái với quy định của pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện khắc phục, bồi thường số tiền 57.468.000đồng cho các bị hại **thông qua việc nộp tại Phòng thi**

hành án dân sự khu vực 9; Ngoài ra bị cáo có đơn trình bày bản thân là lao động chính trong gia đình, vợ là người dân tộc và đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng có xác nhận chính quyền địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân từ trước tới nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Sản phẩm thuốc nhỏ mắt bị cáo bán ra thị trường, qua xác minh đối với những bị hại đã mua dùng, hiện không bị ảnh hưởng gì đến sức khỏe. Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên thấy cần cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ, là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 434 bị hại đã bị Nguyễn Văn V dùng thủ đoạn gian dối trong việc quảng cáo về nguồn gốc, công dụng đối với sản phẩm thuốc nhỏ mắt để lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 157.203.000 đồng, trong đó có 157 bị hại yêu cầu bị cáo V phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 57.468.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 11/8/2025 bị cáo V đã tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 57.468.000 đồng cho 157 bị hại có yêu cầu bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 99.735.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của các bị hại còn lại, các bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Tuy nhiên số tiền này do bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm hưởng bất chính nên cần tiếp tục truy thu của bị cáo sung ngân sách Nhà nước.

Đối với những sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ thu tại nhà bị cáo và do các bị hại trên các tỉnh thành giao nộp cần tịch thu tiêu hủy, gồm: 05 bao nilon màu xanh, ngoài cuốn kín băng dính màu vàng, có dán giấy có dòng ký tự “NA101-T9M02-0808” và dòng ký tự nước ngoài, bên trong mỗi bao nilon gồm 1.000 lọ dung dịch trong suốt; 01 bao nilon màu xanh, ngoài cuốn kín băng dính

màu vàng, có dán giấy có dòng ký tự “NA101-T9M02-0808” và dòng ký tự nước ngoài, bên trong gồm 788 lọ dung dịch trong suốt; 02 thùng carton gồm: 01 thùng carton màu nâu, bên trong gồm 2.500 vỏ hộp sản phẩm nhỏ mắt bằng chất liệu carton; 01 thùng carton màu nâu, bên trong gồm 2400 vỏ hộp sản phẩm nhỏ mắt bằng chất liệu carton; 01 túi nilon gồm: 01 túi giấy màu trắng, bên trong gồm số lượng lớn tờ giấy màu trắng, ghi nhiều ký tự nước ngoài, chia thành 06 cọc được buộc nịt màu vàng, tổng trọng lượng 1.820 gram; 81 hộp carton, bên trong mỗi hộp chứa 02 bộ sản phẩm nhỏ mắt (đã đóng thành sản phẩm nguyên vẹn gồm 01 lọ dung dịch nhỏ mắt, 01 vỏ hộp bằng carton, 01 tem nhãn dạng hướng dẫn sử dụng), tổng là 162 bộ sản phẩm và 46 bộ sản phẩm nhỏ mắt do các bị hại trên các tỉnh thành giao nộp.

[9] Vấn đề khác: Đối với tài khoản Facebook đã bán dung dịch nhỏ mắt cho Nguyễn Văn V, tài khoản Ngân hàng TMCP Á “LocPhat000031924” mang tên “Bui Thi Van Anh” thanh toán việc mua bán trên, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định được đối tượng liên quan này nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 8.274 trường hợp Cơ quan điều tra chưa làm việc, xác minh được có trong dữ liệu thông tin khách mua hàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N (nay là tỉnh Ninh Bình) đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 2019 ngày 26/6/2025, để tiếp tục xác minh, làm rõ sau là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

1.1 Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 36 (ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; (bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2025 đến ngày 28/03/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng bảo lãnh).

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong

thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” của Tòa án nhân dân khu vực 9-Ninh Bình đối với bị cáo Nguyễn Văn V.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu đối với bị cáo số tiền 99.735.000 đồng sung ngân sách Nhà nước;

Tịch thu tiêu hủy: 05 bao nilon màu xanh, ngoài cuốn kín băng dính màu vàng, có dán giấy có dòng ký tự “NA101-T9M02-0808” và dòng ký tự nước ngoài, bên trong mỗi bao nilon gồm 1.000 lọ dung dịch trong suốt; 01 bao nilon màu xanh, ngoài cuốn kín băng dính màu vàng, có dán giấy có dòng ký tự “NA101-T9M02-0808” và dòng ký tự nước ngoài, bên trong gồm 788 lọ dung dịch trong suốt; 02 thùng carton gồm: 01 thùng carton màu nâu, bên trong gồm 2.500 vỏ hộp sản phẩm nhỏ mắt bằng chất liệu carton; 01 thùng carton màu nâu, bên trong gồm 2400 vỏ hộp sản phẩm nhỏ mắt bằng chất liệu carton; 01 túi nilon gồm: 01 túi giấy màu trắng, bên trong gồm số lượng lớn tờ giấy màu trắng, ghi nhiều ký tự nước ngoài, chia thành 06 cọc được buộc nịt màu vàng, tổng trọng lượng 1.820 gram; 81 hộp carton, bên trong mỗi hộp chứa 02 bộ sản phẩm nhỏ mắt (đã đóng thành sản phẩm nguyên vẹn gồm 01 lọ dung dịch nhỏ mắt, 01 vỏ hộp bằng carton, 01 tem nhãn dạng hướng dẫn sử dụng), tổng là 162 bộ sản phẩm và 46 bộ sản phẩm nhỏ mắt do các bị hại trên các tỉnh thành giao nộp.

*Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Ninh Bình và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, THADS tỉnh N.*

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự và người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh + khu vực 9;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị hại;
- Công an tỉnh;
- Phòng THAHS khu vực 9;
- UBND xã Nam Đồng;
- Lưu hồ sơ, lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thúy Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Xuân Tiến**

**Nguyễn Văn Hùng**

